

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2012

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	1.733.938.823	1.107.777.767	4.410.062.613	3.152.105.785
02	2. Các khoản giảm trừ	27.1	(3.247.866)	(235.942)	(4.989.132)	(1.853.970)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	1.730.690.957	1.107.541.825	4.405.073.481	3.150.251.815
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.323.000.250)	(669.969.239)	(3.205.038.513)	(1.726.299.628)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		407.690.707	437.572.586	1.200.034.968	1.423.952.187
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	29.357.686	88.392.173	497.749.272	1.226.990.002
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	29	(195.538.004)	(85.752.736)	(674.112.542)	(537.002.813)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(122.949.445)	(52.938.205)	(495.155.425)	(464.848.591)
24	8. Chi phí bán hàng		(73.062.988)	(16.841.619)	(166.818.271)	(163.985.523)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(98.740.334)	(76.250.380)	(244.709.191)	(230.515.584)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		69.707.067	347.120.024	612.144.236	1.719.438.269
31	11. Thu nhập khác	30	25.693.368	40.872.674	80.421.677	44.233.778
32	12. Chi phí khác	30	(38.771.788)	(37.486.837)	(160.539.689)	(61.776.937)
40	13. Lỗ khác	30	(13.078.420)	3.385.837	(80.118.012)	(17.543.159)



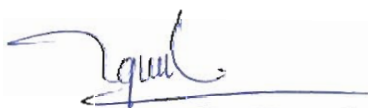
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2012

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		56.628.647	350.505.861	532.026.224	1.701.895.110
51	15. Thuế TNDN hiện hành	31.1	(138.398.636)	(52.746.596)	(444.729.217)	(542.132.693)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	31.2	108.345.287	(32.105.154)	280.012.917	165.555.355
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		26.575.298	265.654.111	367.309.924	1.325.317.772
	Phân bổ cho:					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(36.473.510)	41.312.039	15.456.143	157.333.971
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		63.048.808	224.342.072	351.853.781	1.167.983.801
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)		117	417	655	2.174



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập biểu



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2013